TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2019
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 541/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Đôn H, sinh năm 1979.
Địa chỉ: 28/4, đường số 11, khu phố 4, phường AP, Quận 2, thành phố H;
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1989.
Địa chỉ: ấp 6, xã THT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm anh Hoàng Đôn H là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H và chị O tìm hiểu nhau, kết hôn vào năm 2014 trên cơ sở tình cảm và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường AP, Quận 2, thành phố H vào ngày 23/10/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc, đến khi chị O mang thai thì về sống nhà cha mẹ ở số nhà 065, ấp 6, xã THT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp và sinh con tại bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp. Khi con chung được 03 tháng tuổi, anh H đón hai mẹ con về thành phố H chung sống cùng anh. Sáng ngày

14/10/2016 chị O đã bỏ nhà đi và cố tình giấu thông tin liên lạc. Khi đi chị O đem theo con gái cùng với toàn bộ số tiền mặt ở nhà là 80.000.000 đồng và 01 chiếc xe máy Honda Vision biển kiểm soát 66F1-446.26. Vụ việc này anh H đã có đơn trình báo Công an Phường 16, quận Gò Vấp và công an quận Gò Vấp, thành phố H. Từ tháng 10 năm 2016 đến nay, anh H không có cơ hội gặp lại chị O vì khi anh tìm đến nhà cha mẹ chị O để thăm thì chị O từ chối gặp mặt. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, chị O không trở về chung sống với anh nên vợ chồng không có cơ hội để hàn gắn tình cảm lại được nên nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều O.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hoàng Kiều Anh, sinh ngày 06/8/2015. Hiện nay con chung đang sống với chị O. Khi ly hôn anh H đồng ý giao con chung cho chị O được tiếp tục nuôi dưỡng và anh H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Kiều O đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của anh H nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

+ Trích lục kết hôn (bản sao);

+ Trích lục khai sinh Hoàng Kiều Anh (bản sao)

+ Giấy CMND của anh Hoàng Đôn H và Sổ hộ khẩu (photo);

+ Đơn xin xác nhận nơi cư trú đề ngày 17/9/2019 của anh Hoàng Đôn H (bản chính);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Hoàng Đôn H có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với chị Nguyễn Thị Kiều O. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Chị Nguyễn Thị Kiều O là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp 6, xã THT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Kiều O đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét

xử vắng mặt chị O là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H, chị O tổ chức đám cưới vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường AP, Quận 2, thành phố H vào ngày 23/10/2014, do đó hôn nhân giữa anh H và chị O là hợp pháp. Anh H cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc có một con chung. Khi con chung được 03 tháng tuổi, anh H đón hai mẹ con từ nhà ngoại về thành phố H chung sống cùng anh. Sáng ngày 14/10/2016 chị O đã bỏ nhà đi và cố tình giấu thông tin liên lạc không cho anh H gặp. Khi đi chị O mang theo con gái cùng với toàn bộ số tiền mặt ở nhà là 80.000.000 đồng và 01 chiếc xe máy Honda Vision biển kiểm soát 66F1-446.26. Vụ việc này anh H đã có đơn trình báo Công an phường 16, Quận Gò Vấp và công an quận Gò Vấp, thành phố H, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chị O lấy tài sản của anh trong vụ án này. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể nào hàn gắn tình cảm lại được nên nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều O.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập chị Nguyễn Thị Kiều O tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng chi O vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh H. Xét thấy giữa anh H và chị O không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay anh H yêu cầu ly hôn với chị O là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh H và chị O đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hoàng Kiều Anh, sinh ngày 06/8/2015. Hiện nay con chung đang sống với chị O. Khi ly hôn anh H đồng ý giao con chung cho chị O được tiếp tục nuôi dưỡng và anh H không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, giao con chung tên Hoàng Kiều Anh, sinh ngày 06/8/2015 cho chị O được tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị O không có yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

** Về án phí:*

Anh Hoàng Đôn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Đôn H:

- Về hôn nhân: Anh Hoàng Đôn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều O.
- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều O được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Hoàng Kiều Anh, sinh ngày 06/8/2015. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị O không có yêu cầu.

Anh Hoàng Đôn H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Anh Hoàng Đôn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003326 ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL. Như vậy tiền án phí anh H đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND phường AP, Quận 2, thành phố H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Nhã Quyên